

Tác Giả và Tác Phẩm

Hà Thượng Nhân (I)

Tiểu sử

Tên thật: Phạm Xuân Ninh. Bút hiệu Đông Phương Sóc. Nguyên danh Hoàng Sĩ Trinh.

Tác phẩm

Bên trời lặn đạn.



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Hà Thượng Nhân với bài thơ : Trăng thu - 2

Kỷ niệm với Hữu Loan – Đoàn Thanh Liêm - 3

Hà Thượng Nhân – Nhất Tuấn – 6

Chuyện người Hà Thượng – Nhật Thịnh – 11

Mừng thọ 91 – 18

Một vì sao vừa tắt: Thi sĩ Hà Thượng Nhân – Nguyễn Mạnh Trinh - 18

Phụ đính:

Chùm thơ Hà Thượng Nhân I

và

Những ngày cuối...

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả:

Ông từng dạy học ở trường Dũng Lạc (Hà Nội) và trường Thiếu sinh quân (Liên khu IV) rồi theo Kháng chiến nhưng đến năm 1952 thì ông về thành rồi di cư vào Nam. Ông gia nhập Quân đội Quốc gia Việt Nam, thăng đến cấp trung tá.

Dưới thời Đế nhất Cộng hòa ông soạn tập *Sơ thảo lý thuyết chiến tranh tâm lý* và đảm nhiệm Nha Chiến tranh Tâm lý. Cơ quan này sau phát triển thành Tổng cục Chiến tranh Chính trị của Việt Nam Cộng hòa.

Ông làm giám đốc Đài Phát thanh Quốc gia, chủ bút rồi chủ nhiệm nhật báo *Tiền tuyến* lúc đầu do Cục Tâm lý chiến đảm nhiệm, sau của tập thể Quân lực Việt Nam Cộng hòa.^[2] Với nhật báo *Tự do* ông thường góp bài dưới bút hiệu Tiểu Nhã và phụ trách mục thơ châm biếm "Đàn ngang cung". Bút hiệu khác của ông là Nam Phương Sóc trên báo *Ngôn luận*. Ông là thành viên của Trung tâm Văn bút Việt Nam.

Về tài văn thơ, ông có biệt tài làm thơ trào lộng nhưng khi còn trẻ tuổi ông cũng sáng thơ Đường. Khi vào Huế trong một cuộc chơi thơ, ông có ứng khẩu một bài thơ vịnh "trăng thu" mà được cụ Ưng Bình chấm là hay nhất và khen:

"Trăm mặt thẹn thua chàng tuổi trẻ
"Một bài cũng đủ gọi Thi-ông."

Ông từng được Phủ Quốc vụ khanh Văn hóa của Việt Nam Cộng hòa đề cử làm giám khảo Giải Văn học Nghệ thuật toàn quốc, bộ môn Thơ.

Sau năm 1975 ông bị bắt đi học tập cải tạo cho đến năm 1983 mới được thả và sang định cư ở Hoa Kỳ năm 1990 dưới diện H.O..

Nguồn :

Viên Linh "*Bảy thập niên cùng văn điệu, Hà Thượng Nhân, bảy bước thành thơ*".
Khởi Hành Năm thứ xiii, số 146,
Tháng 12.08. Midway City, CA.

Hà Thượng Nhân với bài thơ : Trăng thu

Năm 1935 tôi được ông Nguyễn Tiến Lãng, chuyên viết văn Pháp hỏi: "Cậu có muốn đi dự hội thơ không?". Tôi mừng quá liền thưa ngay : rất muốn . Trăng Thu năm đó tôi theo ông lên Võ Dạ. Biệt thự của nhà thơ Ưng Bình. Tôi đi theo chứ không được mời nên không có chỗ ngồi . Khách toàn vào hạng trung, lão niên , hầu hết đều mặc quốc phục và đeo bài ngà. Đầu đề bài thơ hôm đó là Trăng Thu, nhưng có một điều cấm kỵ : trong bài tuyệt đối không được dùng chữ Trăng cũng như chữ Thu .bài thơ của tôi như sau:

Sương mỏng manh canh vắng lặng tờ
Buồn xưa nao động mấy vần thơ
Rưng rưng mắt lệ chàng mong nhớ
Phơi phới mây xa thiếp hững hờ

Bến quạnh lau già người chênh mảng
Rượu tàn canh vắng khách bơ vơ
Lầu cao ai đó mây rèm tím
Hồn lẻ đêm nay có thẩn thờ
(Hà Thượng Nhân - Thu 1939)

Đến tháng chín ngày Rằm hội thơ lại họp để tuyên bố kết quả. Lần ấy tôi cũng bắt ngờ trúng giải. Khi gọi đến tên thì thấy một cậu học trò đi lên đầu tóc cắt ngắn húi carê. Cụ Ứng Bình vừa thoạt thấy hơi ngỡ ngàng. Bỗng cụ đọc:

Trăm mặt thẹn thua chàng trẻ tuổi
Một bài cũng đủ gọi thi ông

Tôi nhanh nhẩu vội đáp ngay:
Bảy bước dám thua Tào Thực trước
Một lời xin gửi tạ tôn ông

Bấy giờ trong hội nghị có cụ Kinh Chỉ là Bác sĩ mà cũng là thi sĩ. Sau này cụ làm tổng trưởng y tế trong chính phủ Trần Văn Hữu hay Nguyễn Văn Tâm, tôi không nhớ rõ. Cụ Kinh Chỉ nói lớn: “Tào Thực thất bộ thành thi, cháu không chịu thua à? Kiêu ngạo nhỉ! Tào Thực phải bảy bước mới thành thi, cháu chỉ có một bước đã thành thi, thế thì cháu nói đúng. Nhưng cháu à: “Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Khi đi qua cụ Kinh Chỉ, tôi khoanh tay cúi đầu, thưa khế để cụ nghe: “cháu xin vâng lời dạy bảo của cụ. Đó cũng là lý do, tuy đã viết rất nhiều thơ, hàng mấy chục tập, tôi vẫn không chịu xuất bản dù có dư điều kiện.

Bây giờ đọc lại bài thơ tôi mới thấy mình không công bằng. Ngày ấy vì nghe chuyện tình của một đàn anh mà hạ một câu:

Phơi phới mây xa thiếp hững hờ

Nay tôi xin sửa lại là:
Phơi phới mây xa thiếp đợi chờ

Cụ Kinh Chỉ có người con trai là trung tá Phan Văn Cẩm là học trò của tôi năm đệ ngũ, hiện giờ ở Santa Ana. Khi tôi ra tù gặp Cẩm. Anh mời tôi ghé nhà vì hôm ấy là ngày húy nhật cụ. Tôi đến, khi vái lạy cụ ở bàn thờ thì cả nhà lạy lại để đáp lễ trong đó vài người ở vào tuổi cha chú tôi. Tôi cảm động lắm có viết một bài thơ để lại, hiện gia đình cụ Kinh chỉ còn cất giữ.

Người phụ trách quán thơ Trà Sơn có đọc cuốn sách của Tôn Nữ Hỷ Khương, nhà thơ con gái cụ Ứng Bình có nhắc đến giai thoại này nên hỏi tôi. Tôi xin thuật lại và hết lòng xin lỗi những lời ngạo mạn của mình lúc vào tuổi “ăn chưa no lo chưa tới”.

Kỷ niệm với Hữu Loan Đoàn Thanh Liêm

Hai nhà thơ Hữu Loan và Hà Thượng Nhân là bạn cùng lứa tuổi và cùng xuất thân từ quê hương Thanh Hóa, nên rất gắn bó thân thiết với nhau. Hai ông vẫn xưng với nhau là “mày/tao” như cái hồi còn nhỏ tuổi có đến trên dưới 80 năm rồi. Ngày nay cả hai đã ở vào cái tuổi “cửu thập” sắp sửa bước tới “bách niên” rồi.

Trước năm 1945, tại Thanh Hóa người ta vẫn gọi hai ông là Tú Loan (Nguyễn Hữu Loan), Tú Trinh (Hoàng Trinh - Phạm Xuân Ninh sau này) với sự trọng nể kính phục, vì vào thời đó những người có bằng Tú Tài ở địa phương thì rất hiếm, có thể đếm trên đầu ngón tay được.

Sau 1954, thì Hữu Loan ở lại miền Bắc, còn Hà Thượng Nhân thì vào miền Nam. Và cả hai đều có sự nghiệp thơ văn đáng kể, mỗi người mỗi về.

Tôi có cái duyên được gần gũi quen biết với cả hai nhà thơ nổi danh này. Năm ngoái 2008, tôi đã viết về nhà thơ Hà Thượng Nhân, năm nay tôi xin viết về những kỷ niệm vui vui với nhà thơ Hữu Loan.

Vì đã có nhiều tác giả phân tích chi tiết về các bài thơ của Hữu Loan, nên tôi sẽ không lạm bàn về lãnh vực văn chương thơ phú, mà chỉ ghi lại cái kỷ niệm riêng tư khó quên giữa nhà thơ và tôi ở Saigon vào năm 1988-89.

Sau năm 1975, qua Trương Hùng Thái (chú Thái) là một nhà thơ trẻ ở miền Nam, tôi có dịp gặp gỡ làm quen được với mấy nhà thơ ở miền Bắc như Trần Dần, Hữu Loan. Các bạn trẻ ở Saigon hay tổ chức những buổi sinh hoạt văn nghệ tại tư gia, vừa gọn gàng kín đáo mà lại vừa thân mật ấm cúng như trong phạm vi một gia đình.

Anh Trần Dần hồi đó đã đau bệnh nên đi lại khó khăn. Nhưng anh Hữu Loan dù đã ở tuổi “thất thập” rồi, mà vẫn còn tráng kiện lắm, anh cỡi xe đạp rong ruổi khắp nơi trong thành phố, ra cả ngoại ô. Tôi thường dẫn anh đi ăn phở nơi các quán “Phở gánh” trong mấy đường hẻm khu ngã ba Ông Tạ hay khu nhà ga Phú Nhuận. Cũng như dẫn anh đi uống cà phê ở mấy quán bình dân, khuấy nẻo như quán cóc trong lối xóm.

Anh Loan rất thích cái phong cách cởi mở, hồn nhiên của người miền Nam, mặc dầu họ đã phải sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa trên 10 năm rồi. Nhiều gia chủ khi được giới thiệu anh là tác giả bài thơ nổi danh “Màu Tím Hoa Sim”, thì đã vui vẻ khoản đãi món ăn, thức uống, mà không hề lấy tiền của Hữu Loan. Dịp này, anh tâm sự với tôi, “Bà con miền Nam thật là cởi mở hào phóng, đầy ắp tình người...”

Và trong nhiều buổi tối, chú Thái và cô Tú còn hay tổ chức bữa nhậu để khoản đãi Hữu Loan, dịp này bằng hữu tha hồ chuyện trò tâm sự với nhà thơ được tiếng là “bất cần đời”, chuyên môn đi thò những phiến đá đẽo từ khu núi đồi tại vùng quê Thanh Hóa.

Có lần chúng tôi tổ chức cho mấy bạn trẻ đi thăm mấy địa điểm khảo cổ về văn minh “Óc Eo Phù Nam” tại quận lỵ Đức Hòa hồi đó đã được sát nhập vào tỉnh Long An, thì Hữu Loan cũng tham gia và anh rất phấn khởi được biết nơi đây hồi trên 1,500 năm trước đã là thủ phủ của vương quốc Phù Nam. Chuyến đi này được thực hiện là do sự sắp xếp của anh Võ Sĩ Khải là một chuyên gia khảo cổ, trước kia là một môn sinh của vị giáo sư nổi danh Nghiêm Thẩm. Phái đoàn đi tham quan gồm nhiều bác sĩ, nha sĩ, y tá trẻ vốn tham gia công tác thiện nguyện để chăm sóc y tế cho bà con người thiểu số tại miệt Túc Trưng, Định Quán. Có cả cựu Dân Biểu Phan Xuân Huy cùng mấy tu sĩ Phật Giáo, Công Giáo và một số nhà giáo cũng đi theo nữa. Là một chuyên gia lâu năm trong ngành khảo cổ, anh Khải đã giải thích tường tận cho chúng tôi về những khám phá những cổ vật tại một số địa điểm được đào bới, mà xưa kia là các đền thờ của người thuộc vương quốc Phù Nam theo đạo Bà La Môn, rồi bị người Khmer từ phía Cambodia đến chiếm đóng và xua đuổi họ tản mát đi lên phía rừng núi hay ra biển khơi mất dạng luôn.

Nhà thơ Hữu Loan rất tò mò ngắm nghía các cổ vật còn được lưu trữ tại Bảo Tàng Viện tạm thời ở thị xã Long An, mà trên đường về lại Saigon, chúng tôi lại được anh Võ Sĩ Khải hướng dẫn đến thăm viếng để hiểu biết chi tiết hơn về cái nền văn minh Óc Eo Phù Nam đã bị sụp đổ từ trên 14-15 thế kỷ trước.

Anh Khải cho biết, theo ý kiến của Linh Mục Trần Tam Tĩnh vốn là một giáo sư về Khảo Cổ Học lâu năm ở Canada, thì nên xây dựng Viện Bảo Tàng chính thức ngay tại Đức Hòa là nơi được xác nhận trước kia là thủ phủ của vương quốc Phù Nam, vì xung quanh đó tập trung rất nhiều di tích đền đài, dinh thự của nhà vua. Và đặc biệt là còn tìm thấy được tấm lắc bằng vàng có chạm trổ “Lệnh Rút quân” của nhà vua ban ra, lúc quân Khmer kéo tới rất đông để chiếm đóng lãnh thổ của vương quốc vào thế kỷ thứ 6 sau Công Nguyên. Cổ vật này là một bằng chứng xác thực nhất về sự tồn tại của vương quốc Phù Nam, mặc dầu nó đã bị xóa sổ từ gần 1,500 năm nay rồi. Anh Loan cứ tấm tắc khen ngợi công trình nghiên cứu khoa học của anh Khải và các chuyên viên khảo cổ trong khu vực miền Nam ở đây.

Vào thời gian đó, nhà thơ Hữu Loan còn được một tờ báo tặng cho một giải thưởng về bài báo mới nhất do anh viết, với số hiện kim lên đến mấy trăm ngàn là một món tiền lớn lúc bấy giờ. Nhưng không may cho anh, là sau đó anh bị kẻ bắt lương tước đoạt gần hết món tiền này, khi tụi chúng giật được cái cặp da anh cột ở phía sau yên xe đạp mà anh vẫn chạy đi trong thành phố. Đây quả là cái mặt trái đen tối của cái thành phố xô bồ, vàng thau lẫn lộn. Chúng tôi thật thông cảm bù ngùi xót xa với anh trước cái tai nạn thật đáng tiếc ở dọc đường phố Saigon như thế này.

Nhân tiện cũng xin nhắc lại là trong dịp vào thăm miền Nam năm 1988-89, Hữu Loan đã tham gia với phái đoàn của mấy “Dũng sĩ Đalat” gồm nhà thơ Bùi Minh Quốc, nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự đi khắp các tỉnh từ Nam ra Bắc để vận động các văn nghệ sĩ cùng ký thư thỉnh nguyện yêu cầu phải có tự do sáng tác, tự do xuất bản, báo chí theo tinh thần “Đổi mới-Mở rộng dân chủ” mà nhóm Văn Nghệ Đalat đã chủ trương và công bố trong một bản tuyên ngôn, khiến gây chấn động dư luận khắp nơi hồi đó.

Quả thật nhà thơ lão thành Hữu Loan đã tiếp sức thật đúng lúc, đúng chỗ cho các bạn dũng sĩ trẻ ở miệt cao nguyên Langbian vào cái thời hé mở “Đổi Mới” sau năm 1986. Chi tiết vụ này đã được nhà văn Bảo Cự ghi đầy đủ trong cuốn sách “Hành Trình Cuối Đông” xuất bản ở hải ngoại mười năm trước đây.

Hồi cuối năm 1989, tôi có việc phải ra Hà Nội và nhân tiện ghé thăm anh chị Trần Dần tại nhà ở gần Ga Hàng Cỏ. Anh Dần cũng cho biết Hữu Loan mới ra đây, đang đi thăm bạn hữu ở Hà Nội. Đúng lúc đó thì xảy ra Đại Hội Các Nhà Văn và có sự tranh luận sôi nổi về tự do sáng tác văn nghệ theo trào lưu đổi mới. Anh Dần phấn khởi cho tôi hay là, “Nhìn chung, thì phe tiến bộ dân chủ đã thắng thế trong đại hội này.” Nhưng tôi lại không được gặp lại Hữu Loan trong dịp cả hai chúng tôi cùng ở Hà Nội vào cuối Tháng Mười Một, năm 1989. Theo tôi biết thì Hữu Loan đã tự ý rời bỏ cả đảng Cộng Sản, cũng như bỏ hết mọi sinh hoạt với Hội Nhà Văn, nên đã không hề tham dự với đại hội này. Nhưng chắc chắn là anh cũng như anh Trần Dần đã rất phấn khởi trước sự can đảm bày tỏ ý kiến của một số bạn văn nghệ của anh trong dịp đại hội vừa kể.

Và kể từ đầu năm 1990 lúc tôi bị công an bắt giữ cho đến khi qua định cư ở Mỹ năm 1996, thì tôi không có dịp trực tiếp liên lạc với anh Hữu Loan nữa.

Nhưng qua nhà thơ Hà Thượng Nhân ở San Jose và mới đây qua nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự cũng qua thăm bà con ở Mỹ, thì tôi lại được biết thêm chi tiết về cuộc sống của anh Loan. Ông lão nay đã ngoài 90 tuổi rồi, mà vẫn còn minh mẫn, cương nghị như hồi nào. Đọc trên Internet, tôi thật phấn khởi được biết anh vẫn sống thanh thản nơi quê hương Thanh Hóa cùng với đại gia đình rất đông con, cháu, chất và đặc biệt người vợ đã tận tình chia xẻ cay đắng, ngọt bùi với anh trên nửa thế kỷ nay.

Đối với tôi, Hữu Loan là một nhân cách thật lớn lao, kiên cường đã giữ vững được tiết tháo liêm sỉ của người sĩ phu trí thức theo đúng với truyền thống tốt đẹp của dân tộc chúng ta. Tôi

thật may mắn được quen biết thân thương với những bậc đàn anh vừa có tài năng, vừa có tư cách đáng quý, đáng trọng như Hữu Loan, như Hà Thượng Nhân, như Doãn Quốc Sỹ... Xin cầu chúc anh và gia quyến luôn được mọi sự an lành tốt đẹp.

Hà Thượng Nhân Nhất Tuấn

Khoảng tháng Sáu năm 1973, nhân buổi họp mặt văn nghệ tại tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến, tọa lạc tại số 2bis đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn, có chiến hữu hỏi ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc, Chủ bút báo này về vị Chủ nhiệm Hà Thượng Nhân – Hà Thượng Nhân tên thật hay bút hiệu? Và ý nghĩa như thế nào? Ký giả Lô Răng cười đáp: Hà Thượng Nhân là bút hiệu, là con người của làng Hà Thượng. Thế thôi.

Người làng Hà Thượng được động viên vào Quân Đội Quốc Gia (*) những năm đầu thập niên 1950, khi ông từ “Vùng Kháng chiến” trở về Hà Nội, di cư vào Nam, bởi ông đã sớm nhận chân được chủ trương, đường lối của đảng Lao Động (tiền thân đảng Cộng sản) Việt Nam, ngày càng lộ rõ chân tướng chur hầu, tay sai của Cộng Sản Quốc tế. Thành phần, giai cấp tiểu tư sản như ông, sớm muộn cũng bị loại bỏ, thanh trừng:

Nói nhân nghĩa chẳng qua lừa bịp

Nói hy sinh có dịp giàu to

Chết vì một chữ Tự do

Là thôi! Lỡ cả chuyến đò hoa niên.

Vào Quân đội, cấp bậc Đại Úy, làm việc tại Nha Chiến Tranh Tâm Lý, Năm 1957 lên Thiếu tá, giữ chức Phụ Tá Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu tại Sài Gòn. Ông chứng tỏ là mẫu người giàu kinh nghiệm về công tác Văn Hóa, tâm lý; đồng thời cũng là một người yêu thích thi ca. Có điều lạ, ông không bao giờ chạy thơ ông trên mặt báo, dù là báo nhà. Theo lời yêu cầu của nhà báo Như Phong, ông nhận phụ trách mục “Đàn Ngang Cung” trên nhật báo Tự Do. Năm 1958 ông phụ trách thêm mục “Những Điều Trông Thấy”, viết hàng ngày trên báo Ngôn Luận dưới bút hiệu Nam Phương Sóc.

Những bài thơ trào lộng đều đặn trong mục này đã nói lên nhiều điều, nhiều vẻ về những con người quyền chức, về những hiện tượng “khó coi” trong xã hội miền Nam thời bấy giờ. Vừa nhận diện, điểm mặt, vừa xây dựng từ “thói hư tật xấu” chuyển hóa thành cái lành mạnh, cái tốt đẹp cho chế độ chính trị và cuộc sống của quần chúng miền Nam.

Thơ ông viết với số lượng đáng kể, đủ thể loại dành cho sinh hoạt thi đàn, cho bạn hữu thưởng thức, cho những trao đổi, đàm đạo... Ông sở trường và rất yêu thích xướng họa thơ. Ông rất nhạy cảm chữ nghĩa, “xuất khẩu thành thơ” mà người xưa từng trân trọng khả năng này. Giới thi nhân quý trọng và cảm mến thi tài Hà Thượng Nhân, khi ông thể hiện những bài thơ ông làm tức thời trước một số bạn hữu hiện diện với đầy đủ tên gọi mỗi người và ý nghĩa của nó.

Hình như ông làm thơ đúng với nhận định “cuộc đối thoại giữa nhà thơ với cõi đời” thâm lặng, sâu kín hơn là in thơ thành sách, phổ biến trên thị trường văn chương chữ nghĩa. Chúng tôi nghĩ rằng, giá như ông làm thơ trước năm 1945, tên tuổi và thơ ông sẽ ngang tầm với Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư... Và có lẽ ông còn đứng trên một số nhà thơ tiền chiến khác trong “Thi Nhân Việt Nam” của Hoài Thanh, Hoài Chân.

Đọc một số thơ Ông trước năm 1975, so chiếu thơ ông ngày nay tại hải ngoại, dáng dấp, giọng điệu thơ ít thay đổi, vẫn là dòng cảm xúc tinh tế, mượt mà, trẻ trung, ấn tượng trong các thể loại

truyền thống chân phương.

Bản tính vốn hiền hòa, đôn hậu, khiêm tốn, ông hòa nhập xuô dòng tư tưởng Lão Trang, một phong cách sống an nhiên giữa trần lụy đầy bon chen, phức thành phôi:

*Sống chỉ lấy cái tam làm trọng
Gửi ngàn sau mấy giọng tiêu tao
Cuộc đời thế chẳng đẹp sao?
Lựa là cứ phải anh hào thân tiên
Chẳng cầu cạnh, chẳng ưu phiền
Miễn sao lòng cứ an nhiên là mừng.
(Không Đề)*

Qua lăng kính nhiều mặt của thi nhân, quan niệm tình yêu phải là tình yêu rộng lớn, không biên cương, và một khi tình yêu được kahc chạm vào thi ca nghệ thuật, tình yêu càng bất tử:

*Ta có một tình yêu
Bao la như trời đất
Ta viwết vào trang thơ
Tình yêu ta không mất
(Tình Yêu)*

Nội hàm chí thiết, đồng thời cũng là nhu cầu hòa cảm, kiếm tìm hạnh phúc giữa đời thường, tình bạn tạo động lực liên kết chuyển đổi tâm tư tình cảm, chấp cánh cho ý sống vươn lên:

*Ta từ có bạn đến giờ
Lời thơ lại bỗng bất ngờ thành vui*

Khi đã coi thường danh vọng phù phiếm, quyền lợi nhất thời, ông càng gần gũi đồng đội, bạn bè giữa vòng vây tù ngục cải tạo. Trung tá Hà Thượng Nhân thường nói với những ai dễ yếu lòng, sợ hãi bạo lực của kẻ thù rằng: "Nếu không có phong ba - Thì cây lớn và cỏ hèn cũng vậy". Phải biết chịu đựng khổ đau, thử thách, đó chính là sự tôi luyện nhân cách để vươn lên phí trước ngày mai:

*Nếu như không đau khổ
Làm sao biết cãm hờn
Càng muôn trùng sóng gió
Tay chèo càng vững hơn*

Đêm âm u của vũ trụ, nhân sinh quan lạc quan – bó đuốc thấp sáng của niềm tin – tín hiệu cùng tồn tại bền bỉ ý thức tự do của con người:

*Chúng ta cùng có nhau
Nhìn nhau vui hơn hờ
Trên luống cày khổ đau
Hoa Tự do vẫn nở
Những mái đầu cát cao
Không một lời than thở
(Thấp Sáng Muôn Vì Sao)*

Nhà thơ Hà Thượng Nhân đã ngẩng cao đầu khi ra khỏi trại tù cải tạo trên đất Bắc, rồi cùng với bạn bè, đồng đội lần lượt đến quê hương mới ty nạn, thăm thía, chua xót cuộc bể dâu lịch sử. Từ lục địa Hoa Kỳ mênh mông, vĩ đại, ông nhìn về thủ đô Sài Gòn ngày cũ mà cảm nhận như xa xôi diệu vợi hơn cả từ trái đất đến mặt trăng, cũng chỉ vì khoảng cách chia của hệ tư tưởng khác biệt:

*Người ta lên mặt trắng
Mặt trắng gần quá nhỉ!
Anh muốn về Sài Gòn
Sài Gòn xa đến thế!*

*Sài Gòn xa hơn trắng
trắng đêm đêm vẫn thấy
Lòng Anh, em thấu chẳng
Thắm trên từng trang giấy.
(Nhìn Trăng)*

Kinh qua hiện thực đầy biến động lịch sử, thơ ông biểu hiện lời tâm huyết của thời đại. Phong phú ngôn ngữ, ý tưởng, thơ biểu đạt được phần sâu chính luận lý tưởng, mẫu người quân tử, đạo lý Nho giáo thanh lịch, tài hoa... Thơ Ông tự nhiên như hơi thở – một chân khí tác dụng của sự sống con người vượt lên tầm cao trí tuệ.

*Không cần thép, thơ vẫn là bó đuốc
Thơ nâng người cao sát với thần linh.*

Thơ Hà Thượng Nhân đủ thể loại: Lục bát, Thất ngôn Đường thi, Ngũ ngôn, Song thất lục bát, Cổ phong trường thiên, thơ mới, thơ phá thể, Tứ tuyệt... dù ở thể loại nào thơ ông cũng điêu luyện, đặc sắc. Trong giới thơ văn người ta vẫn thường gọi ông là Hà Chương môn để tỏ lòng ngưỡng mộ thi tài đáng kính.

Chuyện người Hà Thượng Nhật Thịnh

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, ký kết Hiệp định Genève, đất nước bị chia cắt tại vĩ tuyến 17, hơn một triệu người di cư vào miền Nam, trong số đó có các văn nghệ sĩ. Tại đây, Tam Lang, Mặc Đỗ, Đinh Hùng, Mặc Thu, Như Phong cho phát hành nhật báo Tự Do, và tuần báo Văn Nghệ Tự Do. Sau tờ nhật báo *Tự Do* được Phạm Việt Tuyền chủ trương, mời Phạm Xuân Ninh phụ trách mục thơ trào phúng *Đàn Ngang Cung*, thay thế Đinh Hùng ký bút hiệu Thành Đăng. Ngoài ra Đinh Hùng còn viết dã sử tiểu thuyết ký Hoài Điệp Thứ Lang. Về viết cho báo *Tự Do* khi hỏi tới bút hiệu, Phạm Xuân Ninh còn ngần ngại suy nghĩ, Phạm Việt Tuyền đề nghị là Hà Thượng Nhân, tức người làng Hà Thượng, đây là nơi sinh quán của nhà thơ. Khi phụ trách mục thơ trào phúng của báo *Ngôn Luận*, Hà Thượng Nhân ký bút hiệu Đông Phương Sóc. Hai tờ nhật báo cùng một đề mục, viết đều đặn mỗi ngày, số lượng thơ tính ra trên 5000 bài thơ.

Tuy nhiên trong giới văn nghệ sĩ, Hà Thượng Nhân thường được gọi bằng cái tên thật thân thương, nghe tưởng như đứng đầu một môn phái võ lâm "*Hà Chương Môn*". Mỗi khi nhắc tới cái tên này, không mấy ai trong nước từ ngày chưa thay tên đổi chủ, nay ra hải ngoại sống đời lưu vong, không tránh khỏi khơi dậy nơi tiềm thức một "*con người*" ít ra đã thấy đâu đây một lần, có một ấn tượng để trân trọng. Một con người, nếu người Đông phương hằng nâng chữ "*sĩ*" cao quý lên hàng đầu, vời vợi nét thanh cao, người ta đã phảng phất thấy hình ảnh đó nơi bản chất Hà Thượng Nhân. Một con người hễ ai đã tới khó mà dòi, ai đã quen khó mà dứt, Hà Thượng Nhân như vậy, nhưng có những người tuổi đời chưa mấy cao, bề dày văn học chưa có sâu, hào quang chưa thật sáng tỏ đã len lén tìm mọi cách lui tới bên, hầu tỏ ra có một sự liên hệ thân thiết, chẳng qua muốn tự mình "*tô son chát phấn*", biết thế Hà Thượng Nhân vẫn thản

nhien như không xảy ra một hiện tượng gì, tựa hồ một nhà nho vui thú bên hồ sen, đậu trúc, nhàn tản thơ phú. Không cảm thấy gì để phải "di lụy phiền toái".

Có hiểu thế mới không ngỡ ngàng thấy có những lời tựa sách, hay những khi phê bình thơ của những tay ngang, Hà Thượng Nhân có những phát biểu gây xao động, nên trong một số trường hợp, Hà Thượng Nhân đã ít nhiều bị ngộ nhận, bị phản ứng ngược, tuy nhiên làm sao tránh được các chương ngại đó khi xã hội còn có vương vãi các phần tử háo danh. Chẳng qua đôi khi Hà Thượng Nhân bị dòn vào thế chẳng đặng đừng, vả chẳng người Đông phương vốn có lối sống trầm lặng, hiền hòa, không thích ồn ào, tranh cãi những vấn đề đầu đầu không trúng đáp số của một bài toán đố, gây phiền phức, thành thử những gì khi được biểu hiện chớ với nghĩ nó thuộc thể xác định của ngữ pháp, lắm khi nó đảo ngược 180 độ của chiều kim đồng hồ.

Những khi trà dư tửu hậu, câu chuyện văn chương diễn ra, Hà Thượng Nhân không muốn đề cao ai một cách vô lý hay bênh vực cho mình, lẽ phải trước hết. Bây giờ thì thiếu chi những nghịch cảnh này, nhắm mắt đẩy nhau lên, đọc những "chương tai gai mắt". Trong trường văn trận bút, riêng bộ môn thi ca, Hà Thượng Nhân quan niệm: "Người phê bình thơ không nên có thái độ kiêu mặc áo thụng vái nhau." Dư luận cho hay trong một buổi họp, Hà Thượng Nhân đã kể chuyện với một nhà văn về trường hợp một nhà thơ nữ kia đem tập bản thảo đến nhờ viết tựa: "Cô ấy nhờ tôi viết tựa cho tập thơ ấy, nhưng tôi thoái thác, vì mình nhắm mắt viết các lời khen thì không được, mà phê bình trung thực thật khó vô cùng, nên tôi lấy cớ bây giờ tuổi già không còn tinh thần để đọc nhiều nữa." Phải công nhận Hà Thượng Nhân trực tính, không những ngoài trường đời mà ngay cả khi bị cộng sản bắt đi tù. Tại trại tù Z30C, Hàm Tân, Thuận Hải, một cán binh thấy Hà Thượng Nhân bị say nắng, xây xẩm người, ngừng tay cuốc chui vào bụi cây nghỉ trong chốc lát, đã chạy ngay đến nơi quất tháo, nào chày lười lao động, quen thói ngồi không, ăn bám, trước đây chỉ biết ăn bơ thừa sữa cặn của đế quốc, nay làm việc vậy, chỉ có bốc phân mà ăn. Hà Thượng Nhân im nghe tên cán binh mặt sứt cho chán, hết chuyện nọ tới chuyện kia, dây cà dây muống, khi hết thuyết giảng, mới nói:

-Cán bộ nói xong, bây giờ cho phép tôi thưa vài lời. Cán bộ có đồng ý để tôi trao đổi trên tinh thần cởi mở không?

-Được, cho phép, nhưng yêu cầu nghiêm túc.

-Nhìn khuôn mặt non choẹt, tôi đoán cán bộ chỉ vào hàng con cháu tôi. Còn nhìn chữ viết tôi đoán cán bộ là anh học trò lớp bảy, lớp tám là cùng. Trong khi ngoài đời học trò của tôi có người là giáo sư đại học, người tướng lĩnh. Tướng Nguyễn Sơn của chế độ hiện nay cũng là học trò của tôi. Tôi đã xuất ngoại nhiều lần, nhiều nước để thuyết trình về văn hóa nước nhà, cán bộ bắt quá lần quần trong thôn xóm, quen cái cây, cái cuốc, nếu có nhiều lắm, cán bộ chỉ vượt Trường Sơn đi từ Bắc vào Nam là cùng. Cha ông ta nói *đi một đàng học một sàng khôn*, tôi đi xa cả ngàn lần thế mà cán bộ đòi giáo dục tôi, hỏi giáo dục cái gì? Tôi thuộc hàng trí thức, được đào tạo để làm công việc bằng chất xám. Hãy thử giao cho tôi công việc đó, tôi sẽ không thua bất cứ một lãnh đạo nào của cán bộ kể cả Tố Hữu.

Cán bộ tức quá chặn lại:

-A, anh này láo thật Anh là cái thứ gì mà dám so sánh với phó thủ tướng.

-Muốn biết tôi là ai, cán bộ đi hỏi Tố Hữu khắc biết. Tôi và Tố Hữu từng một thời là bạn thơ. Ngay Tố Hữu còn chưa dám giáo dục tôi huống chi cái thứ cán bộ cắc kè. Chẳng qua cán bộ là kẻ chiến thắng, có súng trong tay, bắt tôi nói con chó là con bò, tôi vẫn phải nói theo thôi. Nhưng thâm tâm tôi không thể coi con chó như thứ gì khác được. Cho nên những điều cán bộ giáo dục khiến tâm tôi không phục mà khẩu cũng bất phục luôn. Trí thức con người không cho cho tôi tin theo mù quáng.

Tên cán bộ hết chịu đựng nổi, quát lớn:

-Anh tên ngụy cực kỳ phản động, bước ra hiên trường lao động, tối về viết tờ kiểm điểm nạp cho tôi ngày mai.

Dù cho cay cú vì bị Hà Thượng Nhân chửi khéo nhưng trót hứa nên tên cán bộ đành ngậm đắng nuốt cay. Kết quả Hà Thượng Nhân bị phê bình kiểm điểm nhiều tối liền trong đội, trước khi đưa ra toàn trại tuyên phạt 30 ngày biệt giam. Ngoài hình phạt cùm kẹp, đến tiêu chuẩn khẩu phần còn bị cắt giảm thê thảm, cộng sản tính dùng vật chất để áp đảo tinh thần. Hết thời hạn biệt giam, Hà Thượng Nhân không nao núng tinh thần, nhưng vì bị cùm lâu ngày, chân yếu không thể ra ngoài lao động được. Trại bố trí Hà Thượng Nhân vào công tác y tế, giữ vệ sinh trong phòng ăn tập thể bằng cách cầm cái quạt mo cau đập ruồi cho hàng chục dãy bàn dài đặt sẵn cơm và thức ăn. Tức cảnh sinh tình Hà Thượng Nhân làm ngay bài thơ:

*Tại sao cách mạng lại thành công?
Lao động vinh quang có biết không?
Vì bước suy tư dài vĩ đại,
Nên khâu y tế rộng vô cùng.
Phát huy truyền thống thời trung cổ,
Khẳng định tài năng thuyết đại đồng.
Cái mặt đập ruồi nay đã mạnh,
Mà sao ruồi bọ vẫn còn đông*

Hà Thượng Nhân viết đủ thể loại, thơ lên đến con số hàng ngàn bài, tỏa ngát hương thơm, ai thích ghi chép lưu giữ, không quan tâm vấn đề xuất bản, dù có nhiều mạnh thường quân đề nghị bảo trợ tài chính. Mãi năm 2010 ái nữ Phạm Hoàng Minh Phi và một số thân hữu đứng ra thực hiện thi phẩm "*Thơ Hà Thượng Nhân*" coi như một quà tặng gửi Hà Thượng Nhân, sách biếu không, tiếc rằng tổ chức không được rộng rãi, bởi dễ mấy ai ở những nơi xa xôi tại hải ngoại này có thể về San Jose, California, đúng ngày ra mắt sách, 13 giờ 30 ngày Chủ nhật 19.12.2010 để hân hạnh đón nhận sách biếu. Một thiệt thòi không nhỏ cho những ai yêu thích văn học và những nhà phê bình văn học. Thà đem bán còn đến tay họ.

Bản chất Hà Thượng Nhân thế, vậy mà họa sĩ Tạ Ty – tên thật và là bút hiệu, sinh ngày 24.9.1922 tại Hà Nội, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội năm 1943, viết văn, làm thơ, qua Mỹ sống ở Nam California, nay đã qua đời – cho rằng vì Hà Thượng Nhân không muốn mất lòng ai bao giờ, nên vô tình trở thành ba phải. Điều này xét ra không hoàn toàn chính xác, có tiếp xúc với Hà Thượng Nhân mới thấy trong nhiều vấn đề khi thảo luận, Hà Thượng Nhân đã bảo vệ lập trường một cách vững chắc đến cùng. Và nếu có "*ba phải*" chỉ là khi mạn đàm mang tính cách thù tiếp, có vấn đề nếu đem đặt lên hàng quan điểm sẽ không đi tới đâu, tổn phí công sức, thời giờ, nên Hà Thượng Nhân có thái độ muốn dẹp đi, khơi gợi nên không có ích lợi.

Tình cảm Hà Thượng Nhân tràn đầy, được lòng nhiều người nhờ cậy, vui vẻ, không thù hằn. Có giao tiếp với Hà Thượng Nhân mới thấy một con người bình dị trong ngôn từ, cử chỉ, không thích phô trương "*cái ta là cái đáng ghét*" (le moi est haissable) nói theo Pascal. Cho nên ít thấy ai cầm bút có trình độ hiểu biết mà cứ trở trở lui lui mãi một vấn đề đã được khai thác, bàn luận, Hà Thượng Nhân thì bởi khiêm nhường nên thường tránh né điều này.

Ngay tới Võ Phiến – hay Trùng Thiên, tên thật Đoàn Thế Nhơn sinh ngày 20.10.1925 tại Bình Định, viết phê bình, tường thuật sinh hoạt văn nghệ, dịch sách ngoại quốc, viết truyện, tạp bút, biên khảo văn học, đoạt giải *Văn Chương Toàn Quốc* năm 1960 với tập truyện "*Mưa Đêm Cuối Năm*", hiện sống tại Nam California – đã có một sự tương giao có thể nói rất thân cận với Hà

Thượng Nhân bên ngoài cuộc sống và trên trường văn trận bút, nhưng trong tập *"Văn Học Miền Nam Tổng Quan"* khi viết về Hà Thượng Nhân, Võ Phiến chỉ sơ sài có dăm dòng, và thoáng qua đây đó một đôi chi tiết vụn vặt, thiếu một bề sâu khám phá, nghiên cứu. Bởi một lẽ dễ hiểu Hà Thượng Nhân không muốn phô bày nhiều cái tôi cho ai thấy. Ngược lại, có những người sau cuộc biến dẫu của lịch sử đất nước, mới đặt chân vào làng văn làng thơ đã được người ta nói tới mọi góc cạnh cuộc đời, một hai tác phẩm bao gồm mọi thể loại của họ được vội vàng đem ra mổ xẻ chi li từng góc cạnh lăng kính, không thiếu một chân rết trên những trang sách tạm gọi có tính cách văn học, người được viết và người giới thiệu những trang sách kia đều muốn được chấp nhận ta đây có đất đứng trong thế giới chữ nghĩa. Làm văn học nếu chỉ giới hạn chừng mực trong hạn hẹp quen biết, thiếu tìm tòi khách quan thì lịch sử văn học không thoát khỏi thiếu sót, và làm thui chột các *"kỳ hoa dị thảo"*.

Hà Thượng Nhân, chính thức trên giấy tờ tên Phạm Xuân Ninh, khai sinh là Hoàng Sĩ Trinh, sinh năm 1919, tại làng Hà Thượng, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa trong một gia đình nho phong. Tại đây có ba nhân tài Hữu Loan, Hà Thượng Nhân và Anh Bằng. Nhà thơ Hữu Loan sinh năm 1916, qua đời ngày 18.3.2010, nhạc sỹ Anh Bằng sinh năm 1926 tại huyện Nga Sơn, nơi nổi tiếng với nghề dệt chiếu cói và sự tích quả dưa bầu của An Tiêm. Chắc phải nói thêm về những đôi sim tím chiều hoang biển biệt. Huyện Hậu Lộc nằm ở phía nam huyện Nga Sơn, giáp ranh nhau. Hữu Loan và Anh Bằng đều có tác phẩm viết về các đôi sim hay hoa sim. Hồi đầu thập niên 1940, Hữu Loan và Hà Thượng Nhân từ Thanh Hóa ra Huế học, thi đỗ Tú Tài Pháp, về quê nhà dạy học. Do đó, người ta gọi Nguyễn Hữu Loan, Hà Thượng Nhân là Tú Loan, Tú Trinh (Phạm Xuân Ninh bút hiệu Hoàng Trinh), được trọng nể, kính phục, vì thời đó những ai có bằng Tú Tài Pháp ở địa phương rất hiếm. Hà Thượng Nhân tham gia kháng chiến chống Pháp 7 năm, trong vai trò cán bộ văn hóa. Tại Liên khu 4 bị trưng dụng dạy trường Thiếu Sinh Quân ở Liên Khu 4. Năm 1950 về Hà Nội, dạy trường Dũng Lạc, Vinh Sơn, Khi Hiệp định Geneve ký kết ngày 20.7.1954, Hà Thượng Nhân bỏ vào Nam, Hữu Loan ở lại miền Bắc dính vào vụ *"Nhân văn Giai phẩm"*, bị án treo bút, mười mấy năm thành người đẩy xe cút-kít giữa trưa hè nắng gắt ở miền đồi núi Nga Sơn, thồ những phiến đá đẽo từ khu núi đồi quê nhà. Sau năm 1975 Hữu Loan còn vào Sài Gòn, đạp xe rong ruổi khắp nơi, đi ăn phở gánh ở mấy đường hẻm khu ngã ba Ông Tạ, nhà ga Phú Nhuận.

Vào Nam, Hà Thượng Nhân nhập ngũ. Do nhu cầu của tâm lý chiến và do thân hữu đề cử, thủ tướng Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh đặc cách cho Hà Thượng Nhân mang cấp đại úy trừ bị. Cấp bậc này theo quy chế đồng hóa của Bộ quốc phòng. Sau Hà Thượng Nhân được đề nghị thăng cấp thiếu tá và trung tá, làm việc suốt 21 năm tại *Tổng cục Chiến tranh Chính trị*. Có thể nói cả cuộc đời Hà Thượng Nhân là một đời văn nghệ, vào quân đội từ cấp đại úy đến trung tá mà không hề liên quan đến quân trường, súng đạn. Làm nhật báo *"Tiền Tuyến"* nhưng luôn đóng chốt ở hậu phương. Hà Thượng Nhân có bài in báo năm 1936, chính thức gia nhập làng báo năm 1945. Thực sự năm 1935, khi 16 tuổi, Hà Thượng Nhân có thơ dự thi với các bậc tiền bối, bài *"Trăng Thu"* đoạt giải, làm náo động *"Hội thơ Vỹ Dạ"*:

Sương mỏng manh, canh vắng lặng tờ
Buồn xưa náo động mấy vần thơ
Rưng rưng mắt lệ chàng mong nhớ
Phơi phới mây xa thiệp hững hờ
Bến quạnh lau già người chênh mảng
Rượu tàn canh vắng khách bơ vơ
Lầu cao ai đó mây rèm tím
Hồn lẻ đêm nay có thần thờ

Nguyên Trung Thu năm ấy, Hà Thượng Nhân được Nguyễn Tiến Lãng, chuyên viết Pháp văn, dò ý có muốn tham dự hội thơ không. Hà Thượng Nhân theo Nguyễn Tiến Lãng đến biệt thự

của nhà thơ Ưng Bình Thúc Giạ Thị (1877-1961) ở Vỹ Dạ, cháu nội của Tuy Lý Vương và thân sinh của nữ sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương. Hà Thượng Nhân vì không được mời nên không có chỗ ngồi. Khách toàn hạng trung, lão niên, mặc quốc phục đeo thẻ bài. Chủ đề thơ "*Trăng Thu*", nội dung tuyệt đối cấm sử dụng chữ "*Trăng*", chữ "*Thu*". Một tháng sau hội thơ tuyên bố kết quả, Hà Thượng Nhân trúng giải, mọi người ngạc nhiên thấy một học sinh tóc cắt ngắn lên nhận giải. Ưng Bình bèn đọc:

Trăm mặt thẹn thua chàng trẻ tuổi
Một bài cũng đủ gọi thi ông.

Hà Thượng Nhân ứng khẩu đáp:
Bảy bước dám thua Tào Thục trước
Một lời xin gửi tạ tôn ông

Sau tham gia kháng chiến chống Pháp, năm 1952 bỏ về Hà Nội dạy học. Năm 1954, di cư vào Sài Gòn, phục vụ tại Nha Chiến Tranh Tâm Lý, chủ bút các báo Phụng Sự, Chiến Sĩ Cộng Hòa của quân đội, cuối cùng làm chủ bút nhật báo Tiền Tuyến. Trung tá Lê Đình Thạch tức Thạch Lê chủ nhiệm, Phan Lạc Phúc tức ký giả Lô Răng tổng thư ký. Sau Tết Mậu Thân 1968, Lê Đình Thạch bận điều hành Khối Kế Hoạch, Hà Thượng Nhân thay thế làm chủ nhiệm, Phan Lạc Phúc chủ bút, nhà thơ Thanh Tâm Tuyền phụ tá chủ bút. Trước khi nhận lãnh trách nhiệm mới Hà Thượng Nhân được *Tổng cục Chiến tranh Chính trị* dành cho một số điều kiện đặc biệt. Tất cả nhân viên báo *Tiền Tuyến*, kể cả ấn công, đều miễn trực gác, mặc thường phục đi làm và được chọn các binh sĩ chuyên nghiệp làm phóng viên, trong khi điều lệ ấn định phóng viên là sĩ quan.

Năm 1957, được bổ nhiệm Phụ Tá Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu, chuyển sang làm việc tại Đài Phát Thanh Sài Gòn. Liên tiếp trong 10 năm từ Đệ nhất Cộng hòa Ngô Đình Diệm đến Đệ nhị Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu, Hà Thượng Nhân đều có chân trong Ban Giám khảo giải Thi ca Toàn quốc. Và đại diện Việt Nam Cộng Hòa tham dự các Hội nghị Thi ca Lưỡng niên, Văn Bút, Báo chí tại các nước Pháp, Anh, Bỉ, Hòa Lan, Brazil, Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn, Phi Luật Tân... Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Hà Thượng Nhân bị cộng sản giam tại nhiều trại "*cải tạo*" từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam, cuối cùng định cư tại San Jose, California năm 1990 theo chương trình HO, gia đình khá đông con và đều thành đạt. Hầu như mỗi khi chuyển trại Hà Thượng Nhân đều có một ấn dẫu để lại nơi lưu đày, những bài thơ châm biếm chống cộng sản, nội dung nói lên những sự chướng tai, gai mắt của chế độ vô sản.

Hà Thượng Nhân cầm bút từ năm 1936, đã dịch các kịch phẩm *Le Cid*(1636) của Pierre Corneille (6.6.1606-1.10.1684), *Andromaque* của Racine ra thơ Việt, dịch *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn - không rõ năm sinh và năm mất, chỉ biết sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ 18 - theo nguyên điệu, và dịch hầu hết các bài cổ văn danh tiếng của Trung quốc gồm cả *Sử Tù* và *Ly Tao* của Khuất Nguyên (340-278 trước công nguyên). Đã xuất bản một số tác phẩm thuộc lãnh vực nghiên cứu, ký bút hiệu *Việt Hà, Hà Thanh*, do Nha Chiến Tranh Tâm xuất bản: 1. *Vấn đề Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc* - 2. *Dự thảo Lý Thuyết Chiến Tranh Chính Trị*, được Bộ Quốc Phòng dùng làm tài liệu huấn luyện ngành Chiến Tranh Chính Trị - 3. *Vấn đề Đoàn kết, Một Chiến thuật nguy hiểm của cộng sản* - 4. *Vấn đề Chinh phong ở Trung Quốc*. Năm 1998 xuất bản tập "*Bên trời lặn đạn*."

Hà Thượng Nhân, bút hiệu này có từ năm 1950 do một sự tình cờ khi phụ trách mục "*Đàn Ngang Cung*" trên nhật báo "*Tự Do*" xuất bản tại Sài Gòn, ngay sau ngày dòng sông Bến Hải được dùng làm bờ ngăn hai miền Nam Bắc, bởi Hiệp định Genève ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954 – thực sự ngày 21 tháng 7 năm 1954 – bên kia bờ hồ Leman, nơi Võ Thành Minh cất cao tiếng sáo Trương Lương, phần uất bởi cảnh đất nước tang thương, đã bị cộng sản hạ sát sau

biến cố ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Thoạt đầu nhật báo “*Tự Do*” do Tam Lang, Như Phong, Mặc Đỗ, Đình Hùng, Mặc Thu đứng tên, trong ban biên tập còn tập trung một số ngòi bút di cư từ miền Bắc như Vũ Khắc Khoan – tác giả tập truyện “*Thần Tháp Rùa*” giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1958-1959 – Tchyra tức Đái Đức Tuấn ký bút hiệu Mai Nguyệt, phụ trách mục phiếm luận “*Nói Hay Đừng*”, sau bận việc riêng bàn giao cho Nguyễn Hoạt – đã chết trong ngục tù cộng sản sau năm 1975 – ký tên Hiếu Chân, và họa sĩ Phạm Tăng hiện sống tại Pháp chuyên vẽ biếm họa rất sâu sắc và linh hoạt...

Về sau tờ “*Tự Do*” được Phạm Việt Tuyền – bút hiệu Thanh Tuyền, mà ít ai biết đến như tên thật, sinh ngày 15.8.1926 tại Thanh Hóa, hiện sống tại Pháp – điều khiển. Mục “*Đàn Ngang Cung*” chuyên chở những bài thơ châm biếm, ban đầu do Đình Hùng phụ trách, lấy bút hiệu Thần Đăng, được một thời gian vì bận trông coi ban “*Tao Đàn*” của Đài Phát Thanh Sài Gòn nên ngưng. Ngoài ra, Hà Thượng Nhân còn viết cho nhiều tạp chí văn học.

Tới khi Phạm Việt Tuyền đem mục “*Đàn Ngang Cung*” giao cho Hà Thượng Nhân phụ trách, thoạt đầu Hà Thượng Nhân tỏ ý không muốn nhận, viện lẽ trong cả cuộc đời người không hay đùa nghịch, có một lối sống hơi nghiêm túc, nên không thể viết được thơ châm biếm. Phạm Việt Tuyền đoan chắc Hà Thượng Nhân đảm trách được, ra sức thuyết phục, và quả nhiên Hà Thượng Nhân đã cộng tác đều trong 9 năm liền. Cũng cần biết khi bấy giờ Hà Thượng Nhân đang nằm điều dưỡng tại bệnh viện, trước tình thế đó đã phải gượng viết một số bài.

Thơ viết xong Hà Thượng Nhân lưỡng lự không biết nên để tên thật Phạm Xuân Ninh hay lấy bút hiệu Hoàng Trinh thường được ký trên nhiều bài thơ trữ tình xưa nay, bèn bỏ trống. Khởi đầu Phạm Việt Tuyền lựa một số bút hiệu nhưng Hà Thượng Nhân từ chối không chấp thuận, ra điều kiện tìm một cái tên sao cho đứng đắn. Suy đi nghĩ lại Phạm Việt Tuyền chọn bút hiệu Hà Thượng Nhân có nghĩa người làng Hà Thượng, không phải người họ Hà, tên Nhân, bởi Hà Thượng Nhân vốn quê tại làng Hà Thượng, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Hà Thượng Nhân lúc đầu nghĩ chỉ tạm viết thế một ít lâu, chờ Đình Hùng trở lại. Không ngờ Hà Thượng Nhân lâm trận đều, được nhiều người mến mộ. Năm 1967, trong dịp Tết Đinh Mùi, khi bấy giờ Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương như chức vụ Thủ Tướng, Hà Thượng Nhân cho in trong mục *Đàn Ngang Cung* bài thơ “*Ông về ông kẻ lông mày tí chằng*” tạo được nhiều thích thú trong dư luận, đoạn đầu viết:

*Ông làm Thủ tướng, tôi làm thơ,
Tôi gửi cho Ông thật bất ngờ
Tuy chẳng quen đâu, nhưng chẳng lạ,
Dẫu không thân nữa, cũng không sợ.
Nếu chưa lão lếu từ khi ấy,
Sao có ngông nghênh lúc bấy giờ.
Nghe nói rằng Ông chơi được lắm,
Thử xem Ông quả có cao cờ.
Ghé Thủ tướng? Ở ờ cái đó,
Có ra gì, mây chó mà thơ
Gặp thời cũng ghé đít ngồi,
Đeo râu, đội mũ một hồi đã sao?*

Đọc xong bài thơ này, Nguyễn Cao Kỳ giao cho Trung tá Vũ Đức Vinh tức nhà văn Huy Quang khi đó giữ chức Tổng Giám đốc Nha Vô tuyến Truyền thanh Sài Gòn đem đến biếu Hà Thượng Nhân một hộp thuốc lá mạ vàng có khắc dòng chữ viết tay của Nguyễn Cao Kỳ: “*Nguyễn Cao*”

Kỳ thân tặng nhà thơ Hà Thượng Nhân", một cái bật lửa, một cặp bút máy, mời Hà Thượng Nhân đến chơi nhưng Hà Thượng Nhân từ chối không nhận lời và không chịu gặp khi Nguyễn Cao Kỳ còn tại chức.

Tới tờ nhật báo "*Ngôn Luận*" của Hồ Anh ngữ lời mời Hà Thượng Nhân cộng tác trong mục thơ trào phúng, kéo dài được 6 năm. Thành ra Hà Thượng Nhân bỗng dưng phải viết cho hai tờ báo một ngày. Nhưng phức tạp một điều là Hồ Anh muốn giữ cái tên Hà Thượng Nhân cho báo mình, e dùng bút hiệu khác độc giả không quen, báo không tiêu thụ được mạnh. Còn đòi hỏi Hà Thượng Nhân viết khoảng 20 câu có tính cách vui đùa về xã hội, văn hóa, châm biếm thói đời, và những mẫu người tiêu biểu những thói hư tật xấu thời bấy giờ, trái lại, báo *Tự Do* hạn định khoảng 40 câu về đề tài chính trị. Vậy là do tình cờ Hà Thượng Nhân phải nhận viết cho nhật báo "*Ngôn Luận*", ký bút hiệu *Nam Phương Sóc*, có ý tự bỡn chọc trêu đời.

Hà Thượng Nhân được nhiều người biết đến trong những năm đầu của nền Đệ Nhất Cộng Hòa khi sáng tác những bài thơ trào phúng ký bút hiệu Hà Thượng Nhân trên nhật báo "*Tự Do*" và bút hiệu *Nam Phương Sóc* trên báo "*Ngôn Luận*", đó chẳng qua do sự ngẫu nhiên. Hà Thượng Nhân bản chất nghiêm túc, xuất thân từ một nhà giáo, phải nhập ngũ bởi tình thế nên không ưa bỡn chọc, trêu chọc ai. Không vu khống đả kích ai cho được nổi danh trên văn đàn chữ nghĩa, như một số đối tượng từng có hành động đó khi bước chân vào. Hà Thượng Nhân làm thơ trữ tình và viết nhiều trong một số lãnh vực khác.

Lối họa thơ của Hà Thượng Nhân rất miễn tiện, chỉ nghe dứt một bài thơ của ai là có thể phóng bút họa ngay không cần suy nghĩ. Và khi nghe Hà Thượng Nhân nói chuyện về thơ phú thì không ai có thể bỏ ngang, nói thao thao bất tuyệt, bàn luận thơ đông tây kim cổ, dẫn chứng có bài bản. Hà Thượng Nhân phát biểu hoạt bát, nhanh nhẹn những điều mà người khác phải cau mày bốp trán suy nghĩ, say sưa nói tưởng chừng quên người đối diện.

Sau năm 1963, khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, hai anh em Tổng thống Ngô Đình Diệm và cố vấn Ngô Đình Nhu bị chết thê thảm sau cuộc đảo chánh của các tướng lãnh, một số nhật báo bị đóng cửa, trong đó có tờ "*Tự Do*" của Phạm Việt Tuyền, Hà Thượng Nhân sau một thời gian làm việc ở Bộ Quốc Phòng, được chuyển về Nha Chiến Tranh Tâm Lý, làm Chủ nhiệm báo *Tiền Tuyến*. Do thời cuộc có một thời gian Hà Thượng Nhân được cử giữ chức Giám đốc Đài Phát Thanh Sài Gòn. Và bởi nhu cầu chiến tranh, Nha Chiến Tranh Tâm Lý trở thành *Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị*, bên dưới phân chia thành các cục: Cục Tâm Lý Chiến, Cục Xã Hội, Cục An Ninh, Cục Chính Huấn và các Nha Tuyên Úy Phật Giáo, Nha Tuyên Úy Thiên Chúa Giáo và Nha Tuyên Úy Tin Lành...

Chức vụ cuối cùng của Hà Thượng Nhân là Trung tá Chiến Tranh Chính Trị khi Sài Gòn đổi tên. Thời gian làm việc tại đây Hà Thượng Nhân bởi quân vụ đã viết những bài và những tác phẩm có tính cách chính trị, mang nhiều bút hiệu khác nhau, nên nhiều khi tìm hiểu Hà Thượng Nhân không thực sự dễ dàng.

Thời gian Hà Thượng Nhân điều khiển tờ nhật báo "*Tiền Tuyến*", trong tòa soạn có Phan Lạc Phúc viết phiếm luận ký bút hiệu Lô Răng, tốt nghiệp Khóa 2 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, đi chiến đấu bị thương ở mắt cá chân, bị cà nhắc nhẹ nhàng, khó mà phác giác. Hiện phụ trách tờ báo "*Chiêu Dương*" xuất bản tại Úc Châu. Nghe nói Phan Lạc Phúc sinh trưởng ở Sơn Tây cùng quê với Quang Dũng – nổi tiếng với những bài thơ phảng phất chất hoài niệm, lắng đọng pha chút hùng ca như "*Tây Tiến*", "*Đôi Mắt Người Sơn Tây*", "*Đôi Bờ*" – và trong dòng họ có nhiều người hoạt động văn học, đó là Phan Lạc Tuyền, Phan Lạc Giang Đông – sinh năm 1940, con nhà văn Phan Vọng Húc viết nhiều về văn học cổ điển trên tạp chí Bách Khoa trước đây, phục vụ ngành Chiến Tranh Chính Trị Không Quân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa – và Phan

Lạc Tiếp. Đặc biệt Phan Lạc Phúc thích chơi xì phé, chứ không đánh chắn như Hà Thượng Nhân.

Chính bởi thế Hà Thượng Nhân đã bị tù đầy nghiệt ngã và dã man trong các trại tù cộng sản gọi là trại cải tạo, được thả tự do tháng tư năm 1983, sang Hoa Kỳ cuối năm 1990. Từ bỏ trại tù nhỏ hẹp – sà lim biệt giam còn chật hẹp hơn – bước chân vào nhà tù rộng lớn là xã hội cộng sản, Hà Thượng Nhân gặp trở lại Hữu Loan – tác giả bài thơ nổi tiếng “Màu Tím Hoa Sim” viết để khóc vợ bị chết đuối khi xa nhà, trong thời kỳ kháng chiến công tác văn nghệ trong bộ đội, sau giải ngũ, đi dạy học tự, tham gia nhóm “*Nhân Văn Giai Phẩm*” của Phan Khôi cùng những ngòi bút khác như Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung, Văn Cao, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Hoàng Tích Linh, Như Mai, Tạ Hữu Thiên, Trần Duy... bị cộng sản trù dập – khi này sống rất thiếu thốn và tỏ ra căm thù chế độ đương thời cực độ. Kể từ ngày định cư tại Hoa Kỳ, Hà Thượng Nhân đã nhiều lần dọn nhà theo con, nay mới có nhà riêng, hóa ra nhiều tài liệu sáng tác, chuyên ngữ không còn biết đóng ở thùng nào.

Hai năm sau, vào năm 1992, khi định cư tại San Jose, California, Hà Thượng Nhân chân còn yếu, phải chống ba-toong mỗi khi di chuyển mà xem ra vẫn không được vững vàng. Đó chẳng qua hậu quả của bệnh thấp khớp sau khi ra khỏi nhà tù cộng sản, các y sĩ cộng sản nghiệp vụ non nớt, chữa trị cầu thả, chiếu lệ. Hà Thượng Nhân được dùng trường kỳ loại thuốc có chất cortisone, khiến các xương hầu như bị mục xóp. Khi được phép xuất ngoại qua Hoa Kỳ, Hà Thượng Nhân đã được khiêng lên máy bay. Sang tới miền đất hứa nhờ được chữa trị đúng phương cách, thuốc men đầy đủ, và hàng ngày tập theo phương pháp vật lý trị liệu, Hà Thượng Nhân đã dần dần hồi phục. Không còn phải dùng gậy.

Khi được thả về Hà Thượng Nhân ngưng cầm bút, bởi không thể sáng tác trong một môi trường không có tự do tư tưởng, không thể có văn nghệ, thi ca nếu vắng thiếu tự do, hơn thế lắm khi còn mang lụy, tuy nhiên lắm lúc nằm buồn, thời gian nhiều trống rỗng, Hà Thượng Nhân đã dịch một số văn cổ Trung Hoa. Nguyên thời đó giáo sư Trần Trọng San nay đã mất đã trao tay cho Hà Thượng Nhân quyển “*Cổ Văn Quán Chi*” đọc để giải trí bởi thời đó không mấy ai dám đọc sách ngoại ngữ – và không có mà đọc – sau vì được khuyến khích, Hà Thượng Nhân đã chuyển ngữ sang Việt ngữ. Đã có người bàn tính đem xuất bản nhưng Hà Thượng Nhân không chấp nhận, sau nhờ một cô làm ở đài BBC của Đài Bắc chuyển giúp ra ngoại quốc, dày khoảng 600-700 trang, chưa in, nay không nghe biết tình trạng ra sao. Ngoài rag, Hà Thượng Nhân đã dịch “*Sở Tử*” của Khuất Nguyên. Những năm sau này bởi đã phục hồi được thể lực, mắt đã mổ xong và tinh tường, Hà Thượng Nhân khởi sự cầm bút trở lại:

*Người về người có nhớ không?
Mảnh trăng ngày cũ giờ trông đã gãy !*

Tuy nhiên, có những bài thơ của Hà Thượng Nhân nếu gặp in nơi một tờ báo nào đó như Văn, Thời Sự, Bách Việt...nhiều khi chỉ là những bài cũ, được những bạn tù nhớ lại, đem phổ biến. Bởi vậy đôi khi bị sai lạc, không thuận lợi cho Hà Thượng Nhân. Nhiều bài được người mến mộ sưu tầm từ đâu cho in lại, Hà Thượng Nhân không còn nhớ. Ấy cũng may cho Hà Thượng Nhân không gặp trường hợp một chủ báo nào đó do bất đồng chính kiến với một tờ báo khác, lên tiếng hạch hỏi nguyên nhân công tác với báo ấy, vi phạm quyền tự do của người khác. Hà Thượng Nhân nhiều khi giữ thể yên lặng không muốn khơi sâu vấn đề cho phức tạp trong một xã hội vốn đã đa dạng.

Thơ Hà Thượng Nhân cầm bút từ hồi niên thiếu, viết nhiều, tới nay có ngót sáu ngàn bài thơ đủ mọi thể loại, đặc biệt các bài thơ tình cảm Hà Thượng Nhân ít khi phổ biến rộng rãi, bởi bản thân các bài thơ đó vốn đã riêng tư, Hà Thượng Nhân chỉ đọc cho những thân hữu thâm giao

nghe, hoặc gửi cho họ thường thức, nhiều khi không còn nhớ biết từ đâu. Chẳng hạn bài "*Khóc Nguyễn Du*" viết hồi nào không rõ, vậy mà có người nhớ. Hồi ra mới hay ngày đó Hà Thượng Nhân ngồi đánh chầu ở một nhà kia, bỗng tòa soạn nhật báo "*Tự Do*" cử người tới xin bài cho số tưởng niệm 200 năm ngày kỵ Nguyễn Du. Bị hỏi bài bắt chợt Hà Thượng Nhân phải chịu mấy ván bài để lui vào nhà trong viết. Do đó cả bàn chầu tò mò muốn biết Hà Thượng Nhân viết gì và đã chia nhau chép, giữ lại bài thơ ấy, do đó đã không bị thất lạc.

Kỷ niệm sâu đậm trong nghiệp thi ca có lẽ là bài "*Bên Trời Lặn Đạn*" được viết trong trại tù cộng sản sau tháng Tư đen năm 1975. Hồi đó Hà Thượng Nhân được nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm trao cho bài "*Tỳ Bà Hành*" của Bạch Cư Dị nguyên văn bằng chữ Hán, nhờ dịch và giải nghĩa sang tiếng Việt. Bản này Phan Huy Vịnh đã dịch thành 88 câu. Đêm đến Hà Thượng Nhân bỗng cảm thấy buồn, nghĩ tới bài "*Tỳ Bà Hành*", bèn làm bài "*Bên Trời Lặn Đạn*" hay "*Độc Tỳ Bà Hành Tâm Sự Với Bạch Lạc Thiên*" cũng dài 88 câu.

Viết xong Hà Thượng Nhân thấy tâm hồn chưa thật bình lặng, còn như thiếu một cái gì, bèn viết tiếp tới 1000 câu, lấy bối cảnh xã hội đương thời làm đề tài, viết theo thể song thất lục bát mà Phan Huy Vịnh đã dùng để dịch bài "*Tỳ Bà Hành*".

*"Những chiều mưa gió thê lương
Nhớ vô cùng nhớ con đường vào Nam
Nhớ hè phố xanh lam tà áo
Nhớ trên tay trang báo vừa in
Quán Chùa những buổi săn tin
Vây quanh bàn nước mắt nhìn ngu ngơ"*

Hà Thượng Nhân làm thơ thì nhiều, làm thơ chằm biếm còn nhiều hơn, ngày hai bài cho hai báo trong nhiều năm, không nói đã mừng tưởng thấy số lượng thơ cất cao thế nào. Nhiều khi do những xúc tác từ đâu đó những vần thơ được thành hình, xuất phát từ đáy mang theo trong suốt cuộc đời những kỷ niệm ấm êm, người cầm bút cảm thấy trẻ trung tâm hồn, nhạy bén trong sáng tác.

Nói đến chuyện thơ, Hà Thượng Nhân kể chuyện năm 1946, nhân một chuyến đi chơi về tỉnh Thanh Hóa, quê hương của mình, có Xuân Diệu, Hữu Loan đi cùng. Khi gặp một cái quán, Xuân Diệu tiết lộ cho Hà Thượng Nhân hay ở đây có một thiếu nữ thi đỗ bằng Thành Chung (Brevet Élémentaire), thơ khá hay. Xuân Diệu rủ Hà Thượng Nhân vào trong quán vắng nghe cô dạo đàn dương cầm (piano) và nghe thơ. Xuân Diệu được cô ngỏ ý trước, xin cho nghe một bài thơ, nhưng bởi cô yêu cầu quá vội vàng nên đành phụ lòng cô, đến lượt Hữu Loan cũng từ chối luôn. Thấy thế cô bèn chỉ Hà Thượng Nhân khi đó chưa nổi tiếng, hạ ngay một câu tựa như một "*mệnh lệnh*":

-Xin anh vậy.

Nghe cô nói chữ vậy Hà Thượng Nhân đã tỏ ý bất mãn, bởi cô đã thường tài làm thơ của Hà Thượng Nhân vào đâu, bèn hỏi vặn cô có biết làm thơ không. Nếu đã không biết thì chớ xin thơ. Ý Hà Thượng Nhân muốn trách khéo cô đã không biết thơ mà còn lên giọng kẻ cả. Cô đáp cộc lốc một cách thản nhiên:

-Biết chứ.

-Được, nếu biết thì xin đem giấy bút ra đây.

Cô vào trong nhà đem ra trao cho Hà Thượng Nhân một tờ giấy học trò. Hà Thượng Nhân nói:

-Vậy cô viết thử một câu đi.

Cô quơ bút viết ngay một câu xuống giấy như đã thuộc sẵn: "*Sông đời rồi vẫn nhịp nhàng trôi*".

-Thôi được sẵn đàn đây, cô dạo một bài dài ngắn tùy cô và hể tiếng đàn dứt là tôi có một bài thơ cho cô. Tôi dùng đọc một vận của cô.

Hà Thượng Nhân viết theo tiếng đàn, coi cô tựa khách qua đường viết một hơi 50 câu, được Xuân Diệu đem phổ biến. Kết thúc Hà Thượng Nhân viết:

Đừng bảo sông đời trôi mãi mãi

Não lòng anh lắng đó em ơi

Và ngâm: thể sự dòng lưu thủy

Đêm đó bên ta có một người

Họ xa nhau bởi chiến tranh, mấy chục năm sau Hà Thượng Nhân tình cờ gặp người con gái năm xưa tại nhà một người quen, cô không nhớ rõ ra ai. Hà Thượng Nhân bèn đọc lại câu thơ cũ của cô: "*Sông đời rồi vẫn nhịp nhàng trôi*". Cô reo lên: "*A! Anh hả?*". Do đó Hà Thượng Nhân bị nhiều người hiểu lầm, thực sự không có sự quan hệ nào. Đó là bà Thái Thị Chi Lan nay đã qua đời, thân mẫu của ca sĩ Thanh Lan hiện nay.

Sức sáng tạo của Hà Thượng Nhân bây giờ cho dù không còn sung sức như những ngày nào, ngay như bút hiệu Hà Thượng Nhân cũng dường như ít được nhắc tới nhiều nơi cửa miệng người đời, tuy nhiên đây vẫn là một bút hiệu đánh dấu những bài thơ châm biếm của một thời, và còn nhiều bút hiệu khác được sử dụng tới. Thể lực tất nhiên tàn tạ theo năm tháng, con người không thể cưỡng lại luật tuần hoàn của vũ trụ, thành trụ hoại không. Hà Thượng Nhân đã một thời kỳ thoát không bị tàn phế nghĩ tưởng đã có một phép lạ, giờ đây ngồi nhìn thể sự chông chênh trước mắt mà không thể cầm bút diễn tả, âu không thoát khỏi những xoắn xang trong lòng, hy vọng thể trạng được hầu phục còn đi cho trọn những hoài bão mong muốn.

Hà Thượng Nhân lúc này vẫn như chưa nghĩ tới việc xuất bản tác phẩm bởi không muốn "*làm phiền*" người khác, và phân vân không biết nên in cái nào và bỏ cái nào, ngồi lục lại những công trình sáng tạo cả một đời người, xem ra thật khó thực hiện được trong độ tuổi hoàng hôn nay. Điều này không khỏi là một thiệt thòi to lớn cho di sản văn học, hơn nữa nó còn là một khổ tâm cho các nhà ngữ sử văn đàn không còn biết căn cứ vào đâu để nghiên cứu. Tú Mỡ trong Tự Lực Văn Đoàn có một giọng thơ đùa cợt, mỉa mai, đôi khi sắc gọn, cay chua trong tập "*Giòng Nước Ngược*" 1-2, phác thảo một bức tranh vãn cầu muôn màu sắc của xã hội cho thế hệ sau nhìn vào, ôn cố tri tân hầu rút tĩa kinh nghiệm trong phương diện xử thế, và các nhà xã hội học căn cứ vào mà tìm hiểu được một giai đoạn lịch sử của đất nước.

Hà Thượng Nhân đã sáng tác không ngưng nghỉ, đọc tham luận hàng trăm lần trên các diễn đàn quốc tế và quốc nội, và nay trong những năm rời xa đất nước, dù trọng tuổi, Hà Thượng Nhân đã tham vấn và khích lệ cho thế hệ kế tiếp đóng góp phần nào trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc tại hải ngoại. Tước danh *Hà Chương Môn* bất biến với thời gian, từng được yêu mến trong quân đội trước ngày miền Nam tan hoang vỡ đổ năm 1975, trong trại giam cộng sản sau ngày đất nước đổi tên, bây giờ vẫn tồn tại trong thế giới văn thơ của tập thể người Việt tỵ nạn cộng sản tại hải ngoại. Trên tinh thần đó ngày 18 tháng 10 năm 2002 ở Mexica Theater, San Jose, I.R.C.C khi tổ chức lễ kỷ niệm 26 năm phục vụ dân sinh đã long trọng trao cho Hà Thượng Nhân bằng tuyên dương và tượng vàng bởi thành tích đã tạo được trước và sau Tháng Tư Đen năm 1975. Đây là phần thưởng dành cho những bậc cao niên trên 70 tuổi đã phụng vụ trên 50 năm trường trong các bộ môn văn học nghệ thuật dân tộc. Âu đó cũng là một phần thưởng xứng đáng dành tặng cho một Hà Thượng Nhân đã trọn đời đóng góp tâm tình cho văn học. Tương tự năm 1973 Vũ Hoàng Chương đã tiếp nhận được giải thưởng "*Tuyên*

"*Dương Sự Nghiệp Văn Chương*", nhưng bất hạnh thay, ngày 13.4.1976 khi Vũ Hoàng Chương đang đau bệnh nằm nhà đã bị công an còng tay bắt đi tù, ngày phân phát cho chén cơm gạo mốc đầy sạn và miếng cá thối, đã lìa đời ngày 23.8.1976 để lại cho đời nhiều thương tiếc, ngay cả Hà Thượng Nhân vốn là đôi tri âm:

*Cuộc thế chẳng qua là quán trọ
Ghé vào gửi lại chút văn chương
Từng khi khắp cả và thiên hạ
Một kiếp say dài giữa sắc hương
Đâu bạc lạc loài dăm bảy kẻ,
Đâu ngò chữ nghĩa cũng tang thương
Đêm nay ta gục trên trang sách,
Cứ tưởng trắng vàng cũng vẫn vương.*

Mừng thọ 91

Nếu cuộc sống trăm năm đẹp đấy
Thì chín mươi cũng lấy làm vinh
Thế nhưng trong cuộc hư sinh
Chữ vô thường xóa cái hình phù du
Vốn hữu hình là thù hữu hoại
Đâu có vì đồng loại điểm tô
Ba ngàn một nhóm ngũ hồ
Có ra gì nhĩ cơ đồ ấy đâu
Lại một đám cỏ khâu xanh ngất
Lại câu thơ xanh ngất thịt da
Nhưng mà trong cõi thiết tha
Trong vô thường vẫn như là tồn sinh
Cho nên lấy chuyện mình làm quý
Cũng vui chung thì chỉ ít người
Cũng là thêm một trận cười
Thì xin theo gót cuộc đời cũng vâng

Một vì sao vừa tắt: Thi sĩ Hà Thượng Nhân Nguyễn Mạnh Trinh



Một văn tinh vừa tắt. Nhà thơ Hà Thượng Nhân vừa từ trần ngày 11 tháng 10 vừa qua. Ông người làng Hà Thượng, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã từng đi theo Kháng chiến rồi trở về thành và di cư vào Nam.. Ông là chân dung của một nghệ sĩ đích thực. Của một ông đồ nho thấm nhuần truyền thống uyên áo của dân tộc. Của một nhà truyền thông lão luyện đã giữ những trọng trách suốt một thời gian dài. Của một chính khách có uy tín nhưng lại không chạy theo danh vọng. Của một người Việt Nam đã trải qua nhiều biến cố lịch sử gần như suốt một thế kỷ và đời sống trôi theo nhịp thăng trầm của đất nước loạn ly. Và, của một thi sĩ, luôn nâng niu thi ca như một báu vật của trời và tâm mắt luôn hướng vọng về những chân trời của Đông Phương lãng mạn... Những chân dung rực rỡ và đa diện ấy chỉ là một phần trong tổng thể vóc dáng của nhà thơ Hà Thượng Nhân. Trong hành trình tìm kiếm chân dung đích thực của ông, tôi đã tìm kiếm được rất nhiều bất ngờ lý thú.

Ông sinh năm 1920, Hà Thượng Nhân là bút hiệu có nguyên danh là Hoàng Sĩ Trinh, sau khi vào Thành, lấy tên khác là Phạm Xuân Ninh theo phả hệ của cụ Phạm Xuân Độ mà ông coi như là cha nuôi. Ông đã dạy học tại trường Dũng Lạc ở Hà Nội và trường Thiếu Sinh Quân Liên Khu IV rồi theo kháng chiến chống Pháp đến năm 1952 thì về Thành rồi di cư vào Nam năm 1954. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, ông gia nhập quân đội với cấp bậc đại úy đồng hóa. Ông đã soạn thảo tập Sơ Thảo Lý Thuyết Chiến Tranh Tâm Lý và đảm nhiệm Nha Chiến Tranh Tâm Lý sau phát triển thành Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị Ông làm Giám Đốc Đài Phát Thanh Quốc Gia, chủ bút rồi Chủ nhiệm nhật báo Tiền Tuyến là cơ quan ngôn luận chính thức của QLVNCH. Khi viết báo Tự Do, ông thường ký bút hiệu Tiểu Nhã và phụ trách mục thơ châm biếm Đàn Ngang Cung. Trên báo Ngôn Luận ông dùng bút hiệu Nam Phương Sóc cho các bài viết của mình.

Tôi đọc " Thơ Hà Thượng Nhân" và qua phần Thân Hữu Cảm Khái đã biết được một phần nào chân dung kẻ sĩ phương đông của ông. Trong bài " Kỷ niệm Tiền Tuyến" của Nhất Giang, kể lại hai việc mà anh cho rằng là của kẻ sĩ uy vũ bất năng khuất. Khi tờ báo bị lỗi kỹ thuật và bị cấp trên (tức Trung tướng Trần Văn Trung) "hỏi thăm " ông nhận lỗi cho thuộc cấp và chỉ cảnh cáo sơ sài những người phạm lỗi:

"- Trinh Trung tá có Trung tướng muốn nói chuyện với Trung tá!

Trung tướng đây là Trung tướng Trần Văn Trung, tổng cục trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, người trực tiếp chỉ huy cao cấp nhất của chúng tôi.

Trng tá Ninh thân nhiên cầm điện thoại

- Alô, chào Trung tướng tôi nghe.

Từ đầu dây bên kia có giọng nói của ông tướng đầy vẻ bức bối

- Anh Ninh, sáng ni anh đã đọc báo của anh chưa?

Giọng của ông Ninh vẫn điềm đạm bình thản:

- Tôi mới vào tòa soạn nên chưa kịp đọc, có chuyện gì vậy thưa Trung tướng?

Giọng ông tướng càng có vẻ bức dọc hơn:

- Anh có thấy Việt Cộng có cái loại vũ khí chi lạ: nó pháo kích vô Nam Vang mà lại làm sập đài phát tuyến ở Quán Tre!

Ông Ninh ra hiệu cho thượng sĩ Cốt đưa trang nhất của tờ báo để ông liếc sơ qua, xong ông nói:- Thưa Trung tướng, có thể đây là lỗi kỹ thuật, Trung tướng để tôi xem lại rồi sẽ trình trung tướng rõ.

- Được rồi, nhưng anh phải tường trình cho tôi biết rõ ràng sự việc nội buổi sáng nay. Anh nên nhớ sáng nào tổng thống cũng đều đọc báo của anh. Lỡ tổng thống hỏi tôi biết trả lời mần rãng? Mà lỗi kỹ thuật thật! Chả là vì ông " xếp ty pô" đã vô ý bốc nhầm hai" pac kê" 2 cái tít của hai bản tin hai cột khác nhau cùng loan tin Việt Cộng pháo kích nhưng một cái là" Cộng Quân pháo kích Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung gây thiệt hại cho đài phát tuyến Quán Tre" còn một

cái tit khác là" Cộng Quân pháo kích thành phố Nam Vang nhưng ông thầy sắp chữ đã bê nhầm vé trên của cái tin hai cột này đặt vào vé dưới của tin hai cột kia nên mới có chuyện râu ông nọ cắm cằm bà kia như vậy. Khi truy nguyên ra sự việc, các ông tổng thư ký, thầy cò(tức người có trách nhiệm sửa lỗi các bản in thử) và xếp typô là Thầy Tiều(cũng là lính cơ hữu của Tiền Tuyền) chỉ bị ông Ninh nhẹ nhàng khiển trách vì ông biết việc này hoàn toàn chỉ là một tai nạn nghề nghiệp. Sau đó ông ra lệnh cho thượng sĩ Cót làm một bản tường trình với ông Tướng cùng với đề nghị ông tự phạt mình 30 ngày trọng cấm.."

Và còn nhiều ví dụ khác như ông đã thuyết phục được Tổng Thống Ngô Đình Diệm thay đổi quyết định khi cho các linh mục có chương trình tôn giáo trên đài phát thanh quốc gia lúc ông làm Giám Đốc đài.Khi Tổng thống hỏi ông có nên đưa một chương trình của Công giáo từ hệ thống C lên hệ thống A không thì ông đã trả lời thẳng là không nên vì làm vậy 4 tôn giáo lớn khác sẽ so bì và tổng thống đã đồng ý theo nhận định đúng đắn của ông. Hay như khi làm chủ nhiệm nhật báo Tiền Tuyền, mặc dù là cơ quan truyền thông của QLVNCH nhưng cũng hưởng ứng làng báo Sài Gòn đình bản một ngày trong việc chống lại tăng giá bông giấy. Những việc làm của ông phải là của một người lãnh đạo dám nhận trách nhiệm của mình. Khi vào tù Cộng sản, ông cũng thản nhiên và dùng văn thơ như một cách để sống thực và biểu lộ tâm tình của mình với gia đình, với đất nước. Như khi viết Bên Trời Lặn Đạn, ông đã mượn Tỳ Bà Hành để nói lên tâm sự của mình. Ông viết:"

"Tâm sự, cảnh ngộ của Bạch Cư Dị đâu phải là tâm sự cảnh ngộ của tôi, nhưng tắc lòng đắng cay Bên Trời Lặn Đạn kia cũng là tắc lòng đắng cay của chính mình.
Tỳ Bà Hành chỉ là một cái cớ để tôi nói lên tâm sự của riêng mình. Bạn đọc sẽ bắt gặp trong tập thơ này nhiều ý, nhiều câu trùng hợp, điều đó cũng không quan trọng. Điều quan trọng là liệu tôi có dựa vào nỗi lòng của cố nhân để gửi gắm được chút gì nỗi lòng của mình không? Liệu những oan trái mà tôi và các bạn tôi đã trải qua có thể làm cho người đọc bồi hồi xúc động như tôi đã bồi hồi xúc động khi đọc Tỳ Bà Hành chăng? Từ đó liệu con đường đi tìm Chân Lý, đi tìm Lễ Phải có bớt chông gai được chút nào chăng?"
Bên Trời Lặn Đạn có những câu thơ như nói với người xưa mà gửi lại thế hệ hôm nay. Thơ như lúc nào cũng vẳng lại âm điệu đoạn trường của tiếng đàn ngày xưa trên sông nước nhưng cũng chính là tiếng lòng rung động của một người bị trói buộc vào những cảnh ngộ đau lòng:
" ôi cơn gió heo may thuở trước
Lạnh ngàn năm sông nước Tầm Dương
Về đây rừng núi Thanh Chương
Nghe heo may nổi canh trường ngắn gọn
Trước đã có nhà thơ cùng quần
Ngàn năm sau sao vẫn còn ta?
Đời gần tưởng đã rất xa
Bâng khuâng vì tiếng tỳ bà chưa nghe.."

Có những câu thơ phải viết và phải nhớ, vì không viết không nhớ không được. Có phải là tiếng kêu vọng lên trời xanh để gửi những uất hận kiếp người vào vô tận. Ngày xưa. Bạch Cư Dị và Tỳ Bà Hành thì bây giờ, ở xó rừng tù ngục, Hà Thượng Nhân và Bên Trời Lặn Đạn như có giây phút giao thoa với nhau để thành cung bậc xót thương cho kiếp nhân sinh đọa đầy...
Với tôi, một người yêu thơ và cũng là một người tù cải tạo,sau năm 1975, tôi được nghe nhiều về ông qua hai bài thơ viết về những ngày sa cơ trong trại tù Cộng Sản là bài " Mưa ở Long Giao" và bài "Xin Làm Cỏ Biếc ". Bài thơ "Mưa ở Long Giao " được nhạc sĩ cũng bị giam chung với ông Vũ Đức Nghiêm phổ nhạc và truyền tụng về tới dư luận ở Sài Gòn qua tay của các bà vợ đi thăm nuôi chồng rồi trở ngược lại trong các trại tù. Lúc ấy tui chỉ biết là thơ của một thi sĩ nổi danh trước đây thôi chứ không biết là của nhà thơ Hà Thượng Nhân và nhạc của nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm. Bài thơ đã nói lên tâm sự của một người tù trước cảnh quốc phá gia vong,

"Trời có điều chi buồn
mà trời mưa mãi thế?
Cỏ cây có chi buồn
Mà cỏ cây đẫm lệ?
Thương Em từng phút
Nhớ con từng giây
Chim nào không có cánh
Cánh nào không thêm bay?
Người nào không có tình
Tình nào không đắm say?
Trao làm sao nỗi nhớ
Gửi làm sao niềm thương!
Nhớ thương như trời đất
Trời đất vốn vô thường!
Ngày xưa chim hồng hộc
Bay cao chín tầng mây
Ngày xưa khắp năm châu
Bước chân đi nhỏ hẹp
Ngày nay giữa Long Giao
Năm nghe mưa sùi sụt
Mời nhau điếu thuốc Lào
mình say..mình say sao?"

Thơ dàn trải những nỗi niềm. Của những con người của một thời thế lịch sử đầy bi kịch. Hoàn cảnh ấy không phải chỉ riêng của một người như Hà Thượng Nhân hay Vũ Đức Nghiêm. Mà nó thành của chung của nhiều người của hàng trăm ngàn quân cán chính VNCH bị đẩy ải trong ngục tù Cộng sản. Bản nhạc được phổ biến và hát lén lút trong tù. Cho tới bây giờ bài thơ và bài hát vẫn còn ghi khắc trong bộ nhớ của những người cùng chung số phận với thi sĩ và nhạc sĩ như một chứng tích không thể nào lãng quên của lịch sử Việt Nam.

Bài thơ thứ hai là bài "Xin Làm Cỏ Biếc", ông viết trong lúc chuyển trại từ 0Trại tù Thác Bà, Yên Bái về trại 6 Thanh Chương, Hà Tĩnh năm 1979:

"anh cầm tay em
bàn tay khô héo
anh nhìn mắt em
gió lùa lạnh lẽo
anh nhìn lòng mình
mùa xuân mộng mênh
cỏ non mùa xuân
còn vương dấu chân
trắng non mùa hạ
ướt đôi vai trần
có xa không nhỉ?
Ngày xưa thật gần
Thời gian! Thời gian
Em vẫn là em
Nụ cười rạng rỡ
Ngày nào vừa quen
Mai đưa em về
Xin làm cỏ biếc
Vương chân em đi
Xin làm giọt mưa

mưa giầm rưng rức
Trên vai người yêu.."

Trong tù ngục Cộng sản, thì nhớ về gia đình là một phương cách để người tù "gắng sống mà trở về". Đã có biết bao nhiêu cơn mơ của người tù cải tạo, đêm đêm nằm trong vòng lao ngục nhưng vẫn mơ đến gia đình, nhớ thương đến những người thân yêu đang xa cách. Nhà thơ Hà Thượng Nhân cũng thế, ở trong những trại giam khắc nghiệt nhất của chế độ Cộng sản, trong lúc bị chuyển trại nhọc nhằn từ địa ngục này sang cõi a tỳ khác, nhà thơ vẫn thần nhiên nghĩ về tình yêu của mình của thuở ngày xưa tươi đẹp. Đó là một phản ứng để quên đi thực tại đen tối của những người bị cả một chính sách quy mô đầy đọa.

Bài thơ này thiết tha của một tình yêu, vượt qua được cảnh giới u ám đen thẫm của những trại tù để về miền ký ức của ngày xưa, của tình cảm không phai nhòa dù trải qua nhiều cảnh huống đoạn trường của cuộc sống.

Khi nói về những bài thơ "Thư Của Chúng Mình" ông viết: "Đọc lại thơ cũ tôi vẫn bồi hồi xúc động như ngày nào. Ba mươi tám năm trời trôi qua (Tập thơ được viết vào năm 1949). Tập thơ vẫn chưa hề được công bố. Tôi bỗng nghĩ rằng: "Cuộc đời này tạm bợ còn có ý nghĩa hơn là tình yêu nữa không? Nỗi lòng của chúng tôi cũng như nỗi lòng của triệu triệu người vào cùng một lứa tuổi. Vậy thì tại sao không công bố? Tình yêu không có tuổi, lòng ta không già.."

Theo tài liệu của Wikipedia tiếng Việt thì "Về tài văn thơ ông có biệt tài làm thơ trào lộng nhưng khi còn trẻ tuổi ông cũng sáng thơ Đường. Khi vào Huế trong một cuộc chơi thônng có ứng khẩu một bài thơ vịnh "trăng thu" mà được cụ Ung Bình chấm là hay nhất và khen:

"Trăm mặt then thua chàng tuổi trẻ
Một bài cũng đủ gọi Thi ông".

Hai nhà thơ Hữu Loan và Hà Thượng Nhân là bạn cùng lứa tuổi và cùng quê quán ở Thanh Hóa nên rất thân thiết. Hữu Loan, một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, người đã phê bình sự dốt nát của các quan "văn nghệ Cộng Sản" bằng hình ảnh ví von thật ác: "Những mắt lợn thường tranh. Những tai trâu huân nhạc." Và cũng chính Hữu Loan, tác giả của bài thơ "Màu tím hoa sim", người đã không thềm cầm bút theo sự chỉ huy của chính quyền chuyên chế, về cày ruộng thờ đá, lao động như một nông dân chính hiệu.

Nhà thơ Hà Thượng Nhân đã có những câu thơ phác họa chân dung bạn mình thật sống động như:

". Nguyễn Hữu Loan
hồn nhiên như con trẻ
đơn sơ như miệng cười
dám chân thành làm một con người
giữa bão tố quyết không là cây sậy
chỉ biết cúi đầu vâng lời lẽ phải.
Vớ bạn bè gìn giữ thủy chung
Đỗ Phủ xưa dù lớn vô cùng
Nguyễn Hữu Loan không chịu là Đỗ Phủ
Ba mươi mấy năm chân trần lam lũ.
-Đói không Loan?
Khổ không Loan?
Tao chẳng khổ bao giờ
Tao đi cày như tao làm thơ
-Mày đi cày vì mày dám làm thơ.
Thơ vĩ đại vì thơ không đánh đĩ
Bọn dối trá chẳng thể là thi sĩ
Kiệt Trụ đừng nói chuyện thi ca.
Nhớ Nguyễn Du xưa rau cháo xanh da

Nửa tháng ốm không có tiền mua thuốc.
Không cần thép thơ vẫn thành bó thuốc.
Thơ nâng người cao sát với thần linh..."

Thi sĩ Hà Thượng Nhân không ca tụng Hữu Loan với tư cách một người bạn mà ông muốn qua chân dung thi sĩ, mà có người ví von là một "cây thước gỗ lim vuông cạnh cạch", để tố cáo một chế độ cai trị độc tài sát máu gây ra bao nhiêu thảm cảnh cho toàn dân. Thơ của ông nói về một nhà thơ chính trực như Hữu Loan còn là tiếng nói chính luận của lương tri của những người Việt Nam yêu tự do dân chủ....

Thi sĩ Hà Thượng Nhân là một nhà thơ thông tuệ, làm thơ Đường Luật rất nhanh và chính. Có người đã nói ông giống như Tào Thực ngày xưa đi bầy bọcc là đã hoàn thành được một bài thơ tuyệt tác. Thế mà thơ của ông đã làm xong tới cả hàng ngàn bài mà trong đời của ông mới chỉ in một tập thơ nhỏ vì lời yêu cầu của nhiều người ái mộ ông. Cho đến khi ông bị bệnh nặng, nằm trong bệnh viện và lại đang trong cảnh " lá già khóc lá xanh" khi người con trai thứ là Phạm Xuân Dương từ trần, nên để cho thi sĩ gượng vui nên đã in Thơ Hà Thượng Nhân để có một dấu tích của kỷ niệm đẹp cho văn học Việt Nam. Và ngày ra mắt tuyển tập thơ ấy, nhà thơ như trẻ lại. Xem DVD thu hình lại buổi lễ, thấy ông miên man nói về thơ, về văn chương với cả một sự đam mê trân trọng đến quên đi cuộc đời nhiều bi kịch của những người lưu lạc Việt Nam hôm nay.

Nhưng, hôm nay, nhà thơ đã đi vào cõi vĩnh hằng. Chín chục năm góp mặt với đời, qua bao nhiêu biến cố lịch sử, bao nhiêu cuộc thăng trầm, những bài thơ vẫn còn như một chứng tích của tấm lòng vuông tròn với cuộc sống. Là một quan võ nhưng lại có lối hành xử của quan văn, là một người đã trải qua và hiểu được chế độ Cộng Sản, ông như người đặt rường cột cho ngành chiến tranh tâm lý mà sau này phát triển thành tổng cục chiến tranh chính trị. Nhưng, bất cứ ở đâu và bất cứ ở một vị trí nào, ông cũng là người yêu nước và yêu văn chương và muốn chữ nghĩa tạo được sự tốt đẹp cho cuộc nhân sinh.
Một kẻ hậu sinh như tôi viết bài này như một cách thể đốt nén tâm hương để gửi đến người thi sĩ đã vừa ra đi...

Phụ đính :



Chiêu niệm quái thơ

(nhớ gì hơn nhớ những bài thơ quái đản)

Hãy về đây
Những bài thơ
Một chữ
Hai chữ
Mười lăm chữ
Chúng mày chữa khai sinh
Đã vội gì khai tử ...
Cha chúng mày
Đọc sách Tây
Khoái dữ
Một ý dặt ngang tai
Một ý cài dưới cổ
Là thơ
Tự do
Của thời đại Cộng Hòa
Vượt lên chữ nghĩa thông thường
Mẹo vắn lạc hậu
Vượt lên tất cả
Trơ còn
Rỗng không
Hãy về đây
Những bài thơ
Con hoang thời đại
Cha chúng mày trót dại
Đẻ chúng mày thiếu tháng thiếu năm
Dù bện tơ lụa chúng mày nằm
Dù mặc áo trăm màu sắc sỡ
Dị kỳ quái gỡ
Đời nhìn phút chốc quên ngay
Bấm đốt ngón tay
Thương chúng mày trẻ dại
Muốn hú vía dựng chúng mày sống lại
Đọc bài thơ chiêu niệm chúng mày nghe
Bảo là về hay ký sự
Gì cũng tốt miễn chúng mày biết chữ
Biết lòng ta thương nhớ chúng mày
Như thương nhớ bàn tay
Ăn mày ngoài phố
Mưa rơi trên ngõ lầy

*(trích trong nhật báo Tự Do
ngày ngày 13 tháng 9 năm 1958)*

Cũng phù vân

“ Ý hẩn non sông nhiều cát bụi,
Xui nên son phấn cũng phong trần ”*
Đọc xong thơ của Phan Thanh Giản,
Nghĩ đến em tôi, nước mắt đầm.
Tài hoa ngang ngược là như thế,...
Mà mỗi đêm say vẫn khóc thầm.
Mà mỗi làm thơ đều thổn thức,
Đến như trời đất cũng sai lầm,
Sai lầm tất cả, sai lầm hết,
Còn nhắc làm gì đến chữ Tâm ?
Tâm ấy, tài kia đành có một,
Thân sao vùi dập đến trăm lần ?
Hỡi ơi ! Tài tuấn trong thiên hạ,
Xin nhắc giúp nhau nhé cố nhân !
Xích lại gần đây cho đỡ lạnh,
Có gì đi nữa cũng Phù Vân .

* *Thơ Phan Thanh Giản*

Ngư phủ - Khuất Nguyên

Bị ruồng bỏ Khuất Nguyên thơ thần
Dọc bờ sông ngư ngẩn gầy gò
Có ông chài thấy hỏi dò:
“ngài từng giữ chức Tam Lư, thừa ngài ? ...
Sao đến nổi hình hài tiêu tụy
Vì có gì liên lụy đến thân ?
Rằng : “ nay khắp cả thế nhân,
Riêng mình ta tỉnh cõi trần đều nhơ !
Ta trong sạch không cho vấy bụi
vậy cho nên mới phải đi đây”
Ông chài liền nói : “ xưa này,
Thánh nhân vẫn phải buông tay theo thời
Khư khư một chết chẳng đời,
Có đâu cố chấp như người mà than?
Đời nếu đục khuấy bùn, khua sóng
Người mà say mình cũng cùng say”
Khuất rằng: “nghe nói xưa nay
Tắm xong ắt phải rửa ngay áo quần
Đầu đã gội, ắt cần phải mũ
Tắm thân này cố giữ thanh cao
Lại đành nhơ bẩn được sao ?
Thà đem mạng sống gửi vào sông Tương
Đâu lại chịu trăm đường tủi hổ”
Lão thuyền cười tay gõ thuyền ca :
“ Nước trong ta giặt mũ ta
Mà sông Tương đục, thôi thà rửa chân”
Rồi chèo đi không cần nói nữa.

(SG chiều ngày 5 tháng 6 năm 1985)

Sức khoẻ cụ HÀ

Chiều nay tôi ghé thăm Cụ HÀ tại nhà Cụ, sau khi Cụ rời bệnh viện vào ngày cuối tuần qua. Sức khoẻ Cụ đã tương đối ổn định với khoảng mười ngày điều trị bệnh “nước trong phổi” bởi một lần uống nước bị sặc.

Hiện giờ Cụ chỉ ăn đồ ăn xay nhuyễn (như thức ăn cho trẻ em) uống với nước được hoà với loại bột Thick thành một dung dịch sền sệt (để khỏi bị sặc) và đang thở bằng một bình oxy để ở cuối chân giường,

Cụ vẫn tinh táo, còn đọc thơ được và đang buồn vì thiếu người để trò chuyện.

Kính chuyển tin và tấm hình đến Quý Vị,

Thân ái,
Nguyễn Liệu

Đêm mưa nằm bệnh

Mưa lạnh canh trường, hoa lá bay
Buồn rơi rụng cả mớ rêu gầy.
Nhà bên chó sủa khuya rời rạc
Ngõ trước tre đùa gió lất lay.
Gối mộng đòi cơn mờ núi bể
Đầu xanh mấy lúc bạc râu mày!
Ai xưa nằm bệnh ngoài biên ải
Cho gửi lòng ta chung đấng cay!

QUẬN CAM 11-10 (NV)

Nhà thơ Hà Thượng Nhân, tức Trung tá Phạm Xuân Ninh, nguyên Chủ nhiệm Nhật báo Tiền Tuyến của Tổng cục Chiến Tranh Chính Trị, QLVNCH, đã từ trần tại San Jose, California lúc 7 giờ 45 phút chiều Thứ Ba, 11 tháng 10, 2011, thọ 91 tuổi.

Nhà thơ Hà Thượng Nhân tên thật là Hoàng Trinh, người làng Hà Thượng, tỉnh Thanh Hóa, sinh năm 1920, từng dạy học ở ngoài Bắc, năm 1954 di cư vào Nam.

Năm 1955 ông gia nhập Quân Đội với cấp bậc Đại úy, được trao phó trọng trách soạn thảo sách lược Tâm Lý Chiến cho Quân Đội VNCH lúc bấy giờ.

Khoảng 1956, ông cộng tác với Nhật báo Tự Do, Ngôn Luận. Năm 1969, Trung tá Phạm Xuân Ninh trở thành Chủ nhiệm Nhật báo Tiền Tuyến của Quân Lực VNCH, trụ sở đặt trong Cục Tâm Lý Chiến, đường Hồng Thập Tự, Saigon.

Trong sinh hoạt văn hóa tại miền Nam, ông từng được Phủ Quốc Vụ Khanh Văn Hóa mời làm giám khảo Giải Văn học Nghệ thuật toàn quốc, bộ môn Thơ.

Hà Thượng Nhân làm thơ rất nhanh, và rất nhiều, nhưng ông để lại chỉ có hai thi phẩm: Bên Trời Lặn Đạn, và Thơ Hà Thượng Nhân.



Vĩnh biệt Hà Thượng Nhân

Năm nay thăm bác được hai lần
Cầu mong bác sống được tròn trăm
Nói năng thấy Bác còn tươi tỉnh
Ngắm nghĩa hình dung vẫn xuất thần
Câu chuyện văn thơ còn nhớ lắm
Sách trên bàn để không bài nhãn
Ra về con hẹn lần thăm tiếp
Buồn quá hay tin bác cố nhân!

Thượng lộ bình yên, thôi bốn chữ
Bác cầm đi nhé, giữ gìn con....

Trần Văn Lệ 10.11.2011